|  |
| --- |
| **Bài 4 NÓI VÀ NGHE** **THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, ...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**PP vấn đáp:** Theo em, việc thảo luận nhóm có mục đích gì? Những điều nên và không nên khi thảo luận nhóm? Em hãy nêu một số kinh nghiệm của cá nhân để việc thảo luận nhóm được hiệu quả?

**Dự kiến trả lời:**

- Theo em, mục đích của việc thảo luận nhóm là: Tiếp nhận được nhiều ý kiến về một vấn đề, thống nhất về quan điểm về quan điểm giữa các thành viên trong nhóm, từ đó đề xuất những giải pháp, ý tưởng có ý nghĩa.

- Những điều nên và không nên khi thảo luận nhóm:

+ Nên: ++ Bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình bằng những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục

 ++ Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, kể cả những ý kiến khác biệt với ý kiến của mình vì một vấn đề có thể được nhìn nhận từ nhiều chiều, nhiều góc độ.

 ++ Có thái độ hòa nhã, tôn trọng người cùng thảo luận với mình vì mục đích cuộc thảo luận là thống nhất và cùng xây dựng ý kiến.

* HS chia sẻ một số kinh nghiệm cá nhân. Chẳng hạn:

+ Tìm hiểu kĩ về vấn đề sẽ thảo luận

+ Thể hiện quan điểm của mình về vấn đề một cách rõ ràng.

+ Khi bạn nêu ra ý kiến, cần lắng nghe, phân tích ý kiến và thể hiện quan điểm của mình về ý kiến đó.

.....

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời.

- GV quan sát, động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi 1 – 2 HS trả lời.
* HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học:

 *Việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống giúp chúng ta có được sự thống nhất về quan điểm giữa các thành viên trong nhóm, từ đó đề xuất những giải pháp, ý tưởng có ý nghĩa. Phần bài học này sẽ giúp em hình thành những kĩ năng thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Thực hành nói và nghe**

***Chủ đề thảo luân:*( đã giao từ tiết trước) *Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng và bản thân***

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuẩn bị** |
|  **Mục tiêu:** - HS xác định được mục đích nói và người nghe.- Chuẩn bị nội dung thảo luận. **Nội dung:**- Chia nhóm thảo luận, thống nhất mục đích và thời gian thảo luận.- Chuẩn bị nội dung thảo luận. |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ*** Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm gồm 6 thành viên, cử nhóm trưởng, thư kí.
* Nhóm trưởng phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận.
* Các nhóm thống nhất mục đích thảo luận nhóm và thời gian thảo luận.
* Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi theo bảng:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 01: Chuẩn bị cho buổi thảo luận****Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ BẢN THÂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến của tôi** | **Lí lẽ và bằng chứng** | **Dự kiến phần phản biện của người nghe và trao đổi của tôi** |
| Ý nghĩa của hoạt động với cộng xã hội với cộng đồng | Ý nghĩa 1:... | ...... | ..... |
| Ý nghĩa...... | ...... | ..... |
| Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với bản thân | Ý nghĩa 1:..... | ..... | ..... |
| Ý nghĩa..... | ..... | ..... |

 |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng, cử thư kí.- Chuẩn bị nội dung thảo luận: HS tìm hiểu kĩ vấn đề, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm của mình. (tự hoàn thành PHT 01)- Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận: Mục đích buổi thảo luận là gì? Thời gian dự kiến bao lâu? Nhóm em có những ý kiến gì? Chuẩn bị lí lẽ thế nào để bảo vệ nhóm mình và bác bỏ ý kiến của nhóm bạn? **B3: Báo cáo kết quả**HS báo cáo kết quả thảo luận vào tiết thảo luận.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**GV nhận xét quá trình chuẩn bị của HS cho tiết thảo luận. | **1. Chuẩn bị** - Thành lập nhóm và phân công công việc.- Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận.- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận.- HS tìm hiểu kĩ vấn đề, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm. |

|  |
| --- |
| **Bước 2: Thảo luận** |
|  **Mục tiêu:** - Luyện kĩ năng nói và nghe cho HS: Biết trình bày ý kiến của mình, lắng nghe ý kiến của người khác và biết bảo vệ ý kiến của mình. **Nội dung:** GV yêu cầu :- HS thảo luận nhóm theo chủ đề đã phân công. |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày. Thư kí ghi chép tổng hợp các ý kiến. Cùng đảm bảo mỗi thành viên đều chuẩn bị dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.- Trong quá trình thảo luận, HS sử dụng PHT sau để theo dõi quá trình thảo luận của bạn, có những ý kiến riêng của bản thân và đưa ra được ý kiến thống nhất của nhóm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 02: Thảo luận****Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ BẢN THÂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến của các bạn** | **Lí lẽ và bằng chứng** | **Trao đổi của tôi** |
| Ý nghĩa của hoạt động với cộng đồng | Ý nghĩa 1:... | ...... | ..... |
| Ý nghĩa...... | ...... | ..... |
| Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với bản thân | Ý nghĩa 1:..... | ..... | ..... |
| Ý nghĩa..... | ..... | ..... |
| => Kết luận của nhóm về vấn đề: ......................................... |

 |

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận của cả nhóm dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy,...và trình bày sản phẩm đó trước lớp.- Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân:+ Những điều em và các bạn đã làm tốt trong buổi thảo luận.+ Điều mà bản thân em và các bạn có thể làm tốt hơn trong các lần thảo luận tiếp theo.+ Kinh nghiệm mà bản thân rút ra về kĩ năng thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**Nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận (ý kiến thống nhất của nhóm) kèm theo sản phẩm học tập (đoạn văn, sơ đồ tư duy,...)**Bước 4: Đánh giá, kết luận**HS đánh giá HS qua sản phẩm học tập chung của nhóm và qua việc thu PHT 01, 02 của HS. Việc đánh giá được thực hiện theo các tiêu chí trong bảng kiểm dưới đây. | - HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu:+ HS trình bày ý kiến.+ HS lắng nghe ý kiến.+ HS phản hồi ý kiến.+ HS thống nhất ý kiến. |

|  |
| --- |
| **Bảng kiểm thảo luận về một vấn đề đời sống** |
| Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
| Thể hiện ý kiến trực tiếp, rõ ràng về vấn đề cần thảo luận. |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí. |  |  |
| Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác. |  |  |
| Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng. |  |  |
| Tôn trọng các ý kiến khác biệt. |  |  |

**Một số ý kiến tham khảo về ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cá nhân và cộng đồng:**

**- Đối với cộng đồng:**

 + Đem lại lợi ích cho mọi nhà, mọi người.

 + Phát huy sức mạnh của các cá nhân và tổ chức xã hội trong cộng đồng.

 + Tạo cơ hội bình đẳng trong xã hội.

 + Lan tỏa những điều tốt đẹp trong cuộc đời, tạo nên một xã hội đoàn kết, văn minh.

**- Đối với cá nhân:**

 + Hình thành được năng lực, kĩ năng làm việc tự chủ.

 + Hình thành được năng lực, kĩ năng làm việc nhóm.

 + Nâng cao giá trị của bản thân.

 + Giúp cho các em có cơ hội trực tiếp đóng góp sức lực, trí tuệ, tiền của… của mình vào sự phát triển xã hội tùy theo năng lực và điều kiện của mình.

 + Hình thành và phát triển xúc cảm, tình cảm tích cực của một thành viên của xã hội (hài lòng vui sướng về sự đóng góp của mình, mong muốn được đóng góp nhiều hơn, thấy tự hào và càng thêm yêu quê hương đất nước…).

 + Giúp cho các em có cơ hội mở rộng các quan hệ xã hội như quan hệ với người khác, với những các tổ chức xã hội, cơ quan những cơ sở sản xuất, những đoàn thể xã hội… Như vậy, hoạt động xã hội giúp cho các em phát huy được ý thức và năng lực tự giác; làm quen với các hoạt động gắn liền với cộng đồng.

**Tiết…55…:**

**ÔN TẬP**

**1.  Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức của bài học thực hành làm các bài tập để khắc sâu kiến thức.

**2.  Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**4. Tổ chức thực hiện**

**\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Ôn tập** (Tr. 95, SGK, Chân trời sáng tạo, Ngữ văn 8, tập một).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu: **+ Nhóm 1,2**: Thảo luận các câu hỏi 1, 2.+ **Nhóm 3, 4**: Thảo luận các câu hỏi 3, 4- Các nhóm về nhà hoàn thiện câu 5, 6, 7.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Hs tiến hành suy nghĩ, thảo luận.**Bước 3: Báo cáo sản phẩm, thảo luận.**HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức. | **Câu 1: Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** |
| *Vắt cổ chày ra nước* | Tính keo kiệt, hà tiện. | Không xác định: không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | Ông chủ nhà và anh đầy tớ. | Tạo tình huống trào phúng bằng cách kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật.- Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại. |
| *May không đi giày* | Tính keo kiệt, hà tiện. | Không xác định: không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | Ông hà tiện. | Tạo tình huống trào phúng bằng cách kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật.- Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại. |
| *Khoe của* | Tính khoe khoang. | Không xác định: không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | Anh tìm lợn và anh mặc áo mới. | - Tạo tình huống trào phúng bằng cách; tô đậm mâu thuẫn có tác dụng gây cười; kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật.- Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại. |
| *Con rắn vuông* | Tính khoác lác. | Không xác định; không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | Người chồng và người vợ. | - Tạo tình huống trào phúng bằng cách; tô đậm mâu thuẫn có tác dụng gây cười; kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật.- Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại |

**Câu 2:** Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang những sắc thái:- Sắc thái hài hước, dí dỏm (*Con rắn vuông)*- Sắc thái mỉa mai, châm biếm, phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt trong cuộc sống. (*Vắt cổ chày ra nước, May không đi giày, Khoe của)*=> Mức độ phê phán thói hư tật xấu trong mỗi truyện cười cũng không giống nhau.**Câu 3: Xác định nghĩa tường minh hoặc nghĩa hàm ẩn**- Nghĩa tường minh: Đời người của chúng ta được so sánh như một gang tay, nếu ai hay ngủ ngày thì cuộc đời bị ngắn lại còn nửa gang.- Nghĩa hàm ẩn: Đời người vốn ngắn ngủi, với những người hay ngủ ngày thì đời người ngắn ngủi ấy còn trở nên ngắn hơn nữa. Câu tục ngữ có hàm ý phê phán một cách hài hước những người hay ngủ ngày, những người không biết quý trọng thời gian để sống có ý nghĩa.**Câu 4: Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương**Gợi ý: (1) Đi *mô* cũng nhớ quê mìnhNhớ Hương Giang gió mát, nhớ Ngự Bình trăng thanh*(mô*: đâu)1. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

 Non xanh nước biếc như tranh họa đồ **Câu 5: Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội*** Kể các sự việc theo trình tự thời gian.
* Kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho bài viết.

**Câu 6: Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, về cách phản hồi ý kiến của người khác:**- Lắng nghe ý kiến của người khác.- Tôn trọng ý kiến của người khác dù đó là ý kiến khác biệt.- Biết bảo vệ quan điểm của mình bằng những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.**Câu 7:** * Tiếng cười có ý nghĩa khi nó mang lại niềm vui và những bài học quý báu.
* Tiếng cười có thể giúp chúng ta giải tỏa áp lực và làm cho cuộc sống hạnh phúc, có ý nghĩa hơn.
 |

**\* Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS đọc mở rộng VB truyện cười ngoài sgk ở nhà và thống kê các tác phẩm đã đọc theo mẫu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CẢ BÀI HỌC 4**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Bài tập:** *Tìm một số tác phẩm thuộc thể loại văn học khác thể hiện sắc thái tiếng cười trong cuộc sống. (Gợi ý: ca dao hài hước, hài kịch,...)*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Cá nhân hoàn thành bài tập, thuyết trình trước lớp và thảo luận.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

1. Tìm đọc mở rộng các văn bản truyện cười.

2. Tham khảo các sách, tài liệu hướng dẫn kĩ năng viết bài tự sự kể lại một hoạt động xã hội cũng như kĩ năng thuyết trình để rèn luyện, nâng cao năng lực giao tiếp ngôn ngữ của bản thân.

4. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được từ bài học vào việc tham gia tổ chức các hoạt động xã hội ở trường và địa phương nơi em sinh sống.

**5. Chuẩn bị bài 5: *Những tình huống khôi hài (hài kịch)***

**H. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 8, Chân trời sáng tạo, tập 1.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**I. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….